

**CÔNG TY TNHH VINTEC SERVICES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VINTEC SERVICES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINTEC SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VINTEC SERVICES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110222301

**3. Ngày thành lập:** 05/01/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 033.7212427

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>( Trừ hoạt động đấu giá )                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn van và ống điện tử<br>- Bán buôn thiết bị bán dẫn<br>- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý<br>- Bán buôn mạch in<br>- Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng);<br><br>- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;<br>- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;<br>- Bán buôn đầu đĩa CD, DVD | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>như bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác; | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4669        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8220        |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 10. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8532        |
| 11. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết:<br>- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, ca nhạc (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9000        |
| 12. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9511        |
| 13. | Sửa chữa thiết bị liên lạc<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9512        |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6201        |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6202        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6209(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết:<br>- Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, .... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp;<br>(Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông) | 6311 |
| 18. | Cổng thông tin<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                | 6312 |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông;<br>- Bán lại dịch vụ viễn thông;                                                                                                                                                                       | 6399 |
| 20. | Quảng cáo<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế logo<br>- Thiết kế website<br>- Thiết kế thời trang<br>- Thiết kế đồ họa                                                                                                                                                                | 7410 |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)                                                                                                          | 7490 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 24. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1820 |
| 25. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2610 |
| 26. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ xuất bản sách, báo tạp chí)                                                                                                                                                                                                                                             | 5820 |
| 27. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:<br>- Phát hành phim điện ảnh, phim vi deo<br>(Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                              | 5913 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động ghi âm (trừ kinh doanh karaoke)                                                                                                                                | 5920 |
| 29. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các điểm truy cập internet<br>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;                                                                     | 6190 |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                  | 7730 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị khí tượng<br>- Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị kiểm tra và phát hiện bức xạ                                                          | 3313 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi                                                                                                                         | 3314 |
| 33. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4741 |
| 34. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Radiô, cassette, tivi;<br>- Loa, thiết bị âm thanh nổi;<br>- Máy nghe nhạc;<br>- Đầu video, đầu đĩa CD, DVD. | 4742 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: VŨ TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 21/03/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001095022953

Ngày cấp: 13/06/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Số 19, Phố Bát Sứ, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 19, Phố Bát Sứ, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/03/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001095022953

Ngày cấp: 13/06/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Số 19, Phố Bát Sứ, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 19, Phố Bát Sứ, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội